

ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP MÔN HÓA

ĐỀ 3

Cho nguyên tử khối(tính theo u) của một số nguyên tố: C=12, H=1, O=16, Fe=56, Cu=64, Al=27, Ag=108, N=14, Ca=40, Na=23.

Câu 1: Cho 2 lá sắt (1),(2). Lá (1) cho tác dụng hết với khí Clo. Lá (2) cho tác dụng hết với dung dịch HCl . Hãy chọn câu phát biểu đúng.

- A. Trong cả 2 trường hợp đều thu được FeCl₃.
 B. Lá (1) thu được FeCl₃, lá (2) thu được FeCl₂.
 C. Trong cả 2 trường hợp đều thu được FeCl₂.
 D. Lá (1) thu được FeCl₂, lá (2) thu được FeCl₃.

Câu 2: Tính chất hóa học **chung** của kim loại là

- A. Thể hiện tính oxi hóa.
 B. Dễ bị oxi hóa.
 C. Dễ bị khử.
 D. Dễ nhận electron.

Câu 3: Hòa tan m gam hỗn hợp gồm Cu và Fe₃O₄ trong 800 ml dung dịch HCl 1M vừa đủ.Sau phản ứng chỉ thu được dung dịch X không chứa muối sắt(III). m có giá trị là

- A. 23,2 gam.
 B. 29,6 gam.
 C. 26,4 gam.
 D. 46,16 gam.

Câu 4: Cho 4 dung dịch muối: ZnSO₄, AgNO₃, CuCl₂, FeSO₄. **Kim loại nào** sau đây tác dụng được với cả 4 dung dịch trên?

- A. Cu.
 B. Al.
 C. Fe.
 D. Mg.

Câu 5: Cho dãy các chất: CH₃COOCH₃, C₂H₅OH, H₂NCH₂COOH, CH₃NH₂. Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch NaOH là

- A. 2.
 B. 3.
 C. 1.
 D. 4.

Câu 6: Khẳng định nào dưới đây là **đúng**?

- A. Amin nào cũng là xanh giấy quỳ ẩm.
 B. Amin nào cũng có tính bazơ.
 C. Anilin có tính bazơ mạnh hơn NH₃.
 D. C₆H₅NH₃Cl tác dụng brom tạo kết tủa trắng.

Câu 7: Tất cả các kim loại thuộc **dãy nào** dưới đây tác dụng được với dung dịch muối sắt (III)?

- A. Al, Fe, Ni, Ag, K.
 B. Al, Fe, Ni, Cu, Ag.
 C. Al, Fe, Ni, Cu, Na.
 D. Mg, Fe, Ni, Ag, Cu.

Câu 8: Polivinyl axetat (hoặc poli (vinyl axetat)) là polime được điều chế bằng phản ứng trùng hợp

- A. CH₃COO-CH=CH₂.
 B. CH₂=CH-COO-CH₃.
 C. C₂H₅COO-CH=CH₂.
 D. CH₂=CH-COO-C₂H₅.

Câu 9: Từ phương trình ion thu gọn sau: Cu + 2Ag⁺ → Cu²⁺ + 2Ag. Kết luận nào dưới đây **không đúng**?

- A. Ag⁺ có tính oxi hóa mạnh hơn Cu²⁺.
 B. Cu bị oxi hóa bởi ion Ag⁺.
 C. Cu có tính khử mạnh hơn Ag.
 D. Cu²⁺ có tính oxi hóa mạnh hơn Ag⁺.

Câu 10: Chỉ dùng 1 thuốc thử nào trong số các chất dưới đây có thể phân biệt được 3 chất rắn Mg, Al₂O₃, Al ?

- A. Dung dịch HNO₃.
 B. H₂O.
 C. Dung dịch HCl.
 D. Dung dịch NaOH.

Câu 11: X là một aminoaxit chỉ chứa một nhóm – NH₂ và một nhóm – COOH. Cho 0,89 gam X phản ứng vừa đủ với HCl tạo ra 1,255 gam muối. Vậy công thức cấu tạo của X có thể là

- A. H₂N – CH = CH – COOH.
 B. NH₂ – CH₂ – COOH.
 C. CH₃ – CH(NH₂) – COOH.
 D. CH₃ – CH(NH₂) – CH₂ – COOH.

Câu 12: Dẫn khí CO₂ được điều chế bằng cách cho 100 gam CaCO₃ tác dụng với HCl dư đi qua dung dịch có chứa 60 gam NaOH. Lượng muối natri điều chế được là

- A. 79,5 gam Na₂CO₃.
 B. 53 gam Na₂CO₃ và 42 gam NaHCO₃.
 C. 84 gam NaHCO₃.
 D. 1,0 gam Na₂CO₃ và 2,04 gam NaHCO₃.

Câu 13: Tính chất vật lý nào sau đây không phải do các electron tự do gây ra?

- A. Tính dẻo.
 B. Ánh kim.
 C. Tính cứng.
 D. Tính dẫn điện và dẫn nhiệt.

Câu 14: Phương pháp điều chế kim loại kiềm là

- A. Điện phân nóng chảy muối halogenua hoặc hidroxit của chúng.
 B. Cho Al tác dụng với ddmuối.

[Diem thi 24h](http://diemthi.24h.com.vn)

[Xem tra điểm thi tốt nghiệp THPT](#)

[Đề thi tốt nghiệp trung học phổ thông các năm](#)

[Đề thi đáp án tốt nghiệp THPT](#)

[Xem tra đáp án đề thi tốt nghiệp THPT](#)

Câu 31: Để phản ứng hoàn toàn với dung dịch chứa 7,5 gam axit aminoaxetic ($\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{COOH}$) cần vừa đủ V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là

- A. 150. B. 200. **C. 100.** D. 50.

Câu 32: Hiệu ứng nhà kính là hiện tượng trái đất đang ấm dần lên, do các bức xạ có bước sóng dài trong vùng hồng ngoại bị giữ lại, mà không bức xạ ra ngoài vũ trụ. Trong các khí dưới đây, **nguyên nhân chính** gây ra hiệu ứng nhà kính là

- A. H_2 . B. N_2 . **C. CO_2 .** D. O_2 .

Câu 33: Cho dãy các chất: HCHO, CH_3COOH , $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$, HCOOH, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, HCOOCH_3 . Có mấy chất trong dãy là este?

- A. 5. B. 4. **C. 2.** D. 3.

Câu 34: Khi đun nóng dung dịch đường saccarozơ có axit vô cơ xúc tác ta được dung dịch chứa

- A. glucozơ và fructozơ.** B. fructozơ và mantozơ.
C. glucozơ và glicozen. D. glucozơ và mantozơ.

Câu 35: Cặp chất không xảy ra phản ứng là

- A. dd NaNO_3 và dd MgCl_2 .** B. dd NaOH và Al_2O_3 .
C. K_2O và H_2O . D. dd AgNO_3 và dd KCl.

Câu 36: Dãy gồm các hợp chất được sắp xếp theo thứ tự tăng dần lực bazơ là

- A. NH_3 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin), CH_3NH_2 . **B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin), NH_3 , CH_3NH_2 .**
C. CH_3NH_2 , $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin), NH_3 . D. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_2$ (anilin), CH_3NH_2 , NH_3 .

Câu 37: Hòa tan hoàn toàn 31,2 gam hỗn hợp X gồm Al, Al_2O_3 trong dung dịch NaOH dư thu được 0,6 mol khí H_2 . %m của Al_2O_3 trong X là

- A. 34,61%. **B. 99,65%.** C. 65,39%. D. 98,60%.

Câu 38: Điện phân dd NaCl có vách ngăn, ở anot thu được

- A. Cl_2 .** B. NaOH và H_2 . C. NaOH. D. H_2 .

Câu 39: Cho sơ đồ chuyển hóa sau (mỗi mũi tên là một phương trình phản ứng):

Tinh bột \rightarrow X \rightarrow Y \rightarrow Z \rightarrow methyl axetat. Các chất Y, Z trong sơ đồ trên lần lượt là

- A. CH_3COOH , $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. **B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH .** C. C_2H_4 , CH_3COOH . D. CH_3COOH , CH_3OH .

Câu 40: Cho thanh kẽm tiếp xúc với một thanh đồng qua dây dẫn, sau đó nhúng vào dd HCl dư. Hiện tượng quan sát được là

- A. Thanh Zn tan trước và bọt khí thoát ra trên thanh sắt.
B. Thanh Zn tan và bọt khí thoát ra từ thanh đồng.
C. Thanh Zn tan và bọt khí thoát ra từ cả hai thanh.
D. Cả hai thanh tan đồng thời và khí thoát ra từ hai thanh.

----- HẾT -----